TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HỒNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:15/2017/HNGĐ-ST Ngày 23-8-2017 "V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Lâm Văn Koan.

2.Ông Huỳnh Hoàng Dũ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Kim Loan, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số: 107/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2017, về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2017/QĐXXST – HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bùi Thị Kim D, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Ấp Bình Hưng, xã Bình Thạnh, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Trần Vũ Trường G, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp

Chị D, anh G có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện đền ngày 19-5- 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Bùi Thị Kim D trình bày:

Vào năm 2013 chị D và anh G có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T,vợ chồng có 01con chung tên là Trần Thanh T, sinh ngày 24-8-2013. Thời gian đầu sống chung vợ chồng có hạnh phúc nhưng sau này anh G thường xuyên uống rượu có hành động đánh chị D, từ đó tình cảm vợ chồng bị rạn nức, không thể chung sống lâu dài và đã ly thân từ tháng 05 năm 2016 cho đến nay. Nay chị D yêu cầu:

+ Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Kim D yêu cầu được ly hôn với anh Trần Vũ Trường G.

+ Về con chung: Theo đơn khởi kiện chị D yêu cầu được nuôi dưỡng con chung nhưng tại phiên tòa hôm nay chị D thay đổi ý kiến thống nhất giao con chung Trần Thanh T, sinh ngày 24-8-2013 (Hiện nay cháu Thanh T đang sống với anh G) cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng; Chị không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

+ Về nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Qua lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn Trần Vũ Trường G trình bày: Vào năm 2013 anh Giang và chị D có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Thanh T, sinh ngày 24-8-2013. Trong thời gian vợ chồng sống chung hạnh phúc, nhưng thỉnh thoảng anh G có uống rượu với bạn bè và hiểu lầm vợ nên trong lúc nóng giận anh có đánh vợ anh vài lần nên vợ anh đã bỏ về nhà mẹ vợ sinh sống và ly thân từ tháng 5 năm 2016 cho đến nay, nhưng sau đó anh G có hối hận và xin lỗi vợ về nhà nhưng vợ anh vẫn cương quyết không chịu. Nay qua yêu cầu của chị D anh có ý kiến như sau:

+ Về hôn nhân: Anh G không thống nhất ly hôn với chị Bùi Thị Kim D. Vì còn thương vợ, thương con.

+ Về con chung: Nếu Tòa án quyết định mà cho vợ chồng anh ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Trần Thanh T.

+ Về cấp dưỡng: Anh G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung; Về nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Tân Hồng nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện ngày 19-5- 2017 Chị Bùi Thị Kim D yêu cầu ly hôn với anh Trần Vũ Trường G và yêu cầu được nuôi con, nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xác định đây là quan hệ pháp luật về ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Căn cứ theo khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]Về nội dung tranh chấp:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Kim D và anh Trần Vũ Trường G có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 15- 4-2013 nên hôn nhân của chị D và anh G là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân gia đình *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch*". Nhận thấy trong thời gian chung sống giữa chị D và anh G có mâu thuẫn, vì anh G thường hay uống rượu và có hành động đánh chị D nhiều lần hơn nữa vợ chồng đã ly thân từ tháng 05 năm 2016 đến nay vẫn không hàn gắn được tình cảm hơn nữa Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng chị D vẫn cương quyết ly hôn. Do đó nhận thấy tình trạng hôn nhân của chị D và anh G đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D, chị D và anh G được ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án Chị D có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung nhưng tại phiên tòa chị D thay đổi ý kiến thống nhất giao con chung Trần Thanh T, sinh ngày 24-8-2013 cho anh G nuôi dưỡng vì hiện cháu T đang sống với anh G cũng phù hợp với yêu cầu của anh G là yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình *"... 2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con..."*. Vậy căn cứ điều luật này nên giao con chung Trần Thanh T cho anh G được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

+ Về cấp dưỡng: Anh G không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *" Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*". Vậy Chị Bùi Thị Kim D phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm; Anh Trần Vũ Trường G không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 56,81,82,83 Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Kim D và anh Trần Vũ Trường G được ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Trần Thanh T, sinh ngày 24-8- 2013 cho anh G được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (cháu T hiện đang sống với anh G). Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh G không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Bùi Thị Kim D phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số BN/2013 03667 ngày 22-5-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, chị D đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Trần Vũ Trường G không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/8/2017).

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- UBND xã Tân Công Chí;
- Các đương sự;
- CC.THA huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đỗ Thị Ngọc Oanh